

Bản án số: 27/2018/DS-ST
Ngày: 19-10-2018
V/v tranh chấp về
Hợp đồng dân sự mua bán tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẤP VÒ, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Kiều Tiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Kim Linh.
2. Ông Nguyễn Bạch Linh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Kiều là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

Trong ngày 19 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 246/2018/TLST- DS ngày 13 tháng 9 năm 2018 về “Tranh chấp về Hợp đồng dân sự mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 108/2018/QĐST-DS ngày 04 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trần Văn T, sinh năm 1972; (Chủ cửa hàng Trần T)

Địa chỉ: Số 91A, ấp A, xã Đ, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn:

- Ông Hồ Văn B, sinh năm 1946;

- Anh Hồ Văn H, sinh năm 1987;

Cùng địa chỉ: Số 104, ấp A, xã Đ, huyện LV, Đồng Tháp.

(Ông T, ông B, anh H có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 28/8/2018 và tại phiên hoà giải của Toà án cũng như tại phiên tòa ông T trình bày:

Vào năm 2015 đến năm 2017, anh H đến cửa hàng vật tư nông nghiệp của ông T để mua phân bón và thuốc trừ sâu. Ông T biết anh H sống chung nhà nên mua vật tư nông nghiệp để trồng quýt chứ không biết là trồng cho anh H hay cho ông B. Hai bên có thỏa thuận là 01 tháng thanh toán 01 lần, nhưng thực tế anh H chỉ trả bớt một phần mà còn nợ nhiều, khi anh H nợ hơn 60.000.000 đồng, ông T không muốn bán nữa thì anh H có gọi điện cho cha anh H là ông B để nói chuyện điện thoại với ông T, ông B nói với ông T là cứ bán cho anh H, có gì ông B chịu cho. Khi ông B nói vậy thì ông T nghĩ rằng ông B nhận bảo lãnh nợ anh H, nếu anh H không trả thì ông B trả, vì vậy ông T tiếp tục bán thiếu cho anh H. Sau đó có một lần ông B đến cửa hàng để đổi dùm chai thuốc cho anh H thì có nói với ông T là có bán thiếu thì bán chứ đừng cho mượn tiền. Vì vậy, ông T tin lời hứa của ông B nên tiếp tục bán thiếu cho anh H. Tuy nhiên, sự việc này không có gì làm bằng chứng, không có ai chứng kiến. Sau đó, anh H tự ngưng không mua nữa, ông T yêu cầu anh H viết biên nhận nợ, viết tại nhà anh H, do không có ông B ở nhà nên ông T không yêu cầu ông B ký tên, sau đó cũng không gặp ông B để yêu cầu ký tên vào vì ông T nghĩ rằng ông H thiếu nợ nhưng ông B sẽ trả thay, cũng chưa lần nào ông T đòi ông B trả nợ cho anh H.

Nay ông T yêu cầu ông B và anh H cùng liên đới nghĩa vụ trả số tiền mua vật tư nông nghiệp cho ông T là 132.030.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

- Tại biên bản hòa giải của Tòa án và tại phiên tòa bị đơn anh H trình bày:

Vào năm 2015 đến năm 2017, anh H có đến cửa hàng vật tư nông nghiệp của anh T để mua phân bón và thuốc trừ sâu. Anh H trồng quýt cho anh H chứ không phải cho ông B, ông B chỉ cho mượn đất. Khoảng 06 tháng anh H có trả cho ông T số tiền là 25.000.000 đồng. Sau đó, anh H và ông T có ký kết hợp đồng 12 tháng, anh H có trả nhiều lần cho ông T với tổng số tiền khoảng 100.000.000 đồng. Việc mua bán là do anh H trực tiếp mua của ông T và trả tiền cho ông T, ông B có nói chuyện với ông T nhưng chỉ là năn nỉ để ông T bán thiếu cho anh H chứ không có nhận bảo lãnh. Sau khi ngưng mua, ông T có đến nhà yêu cầu anh H viết biên nhận nợ nên anh H có ký tên vào biên nhận nợ, lúc đó ông T không nói gì về việc kêu ông B cùng ký tên vào. Do làm ăn thua lỗ nên không có tiền trả cho ông T cho đến nay.

Nay anh H thừa nhận nợ và đồng ý trả cho ông T số tiền là 132.030.000 đồng. Anh H nợ của ông T thì anh H tự trả, ông B không bảo lãnh nên không yêu cầu ông B cùng trả.

- Tại biên bản hòa giải của Tòa án và tại phiên tòa bị đơn Hồ Văn B trình bày: Ông B có biết H có mua vật tư nông nghiệp của ông T, việc trồng quýt là anh H trồng cho anh H chứ không phải trồng cho ông B nên mua vật tư là riêng của anh H. Khi anh H nợ nhiều tiền của ông T, sợ không bán nữa nên ông B có nói chuyện điện thoại với ông T năn nỉ bán thiếu cho anh H, từ từ anh H trả. Sau đó, anh H có nhờ ông B đến đổi chai thuốc thì gặp ông T thì ông B nói bán cho anh H

để anh H làm, ông B chỉ biết anh H thiếu tiền nhưng không biết thiếu là bao nhiêu. Ông B không có bảo lãnh hay hứa trả thay cho anh H. Nay ông B không đồng ý liên đới cùng anh H trả tiền mua vật tư nông nghiệp cho ông T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Anh H và ông B đang cư trú tại ấp An Bình, xã Định Yên, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án huyện Lấp Vò, quy định tại Điều 26, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Anh H có mua vật tư nông nghiệp của ông T và còn nợ ông T số tiền 132.030.000 đồng, có biên nhận nợ kèm theo, được các đương sự thừa nhận là có thật.

Xét yêu cầu của ông T về việc yêu cầu anh H và ông B cùng liên đới nghĩa vụ trả số nợ trên, Hội đồng xét xử xét thấy:

- Việc ông T cho rằng ông B nhận bảo lãnh trả nợ cho anh H không được ông B thừa nhận. Anh H cũng không thừa nhận có sự việc này.

- Ông T không có tài liệu, chứng cứ hay người làm chứng để chứng minh có việc nhận bảo lãnh của ông B.

- Khi ông T yêu cầu anh H viết biên nhận nợ thì không yêu cầu ông B cùng ký tên, cũng như không lần nào đòi ông B trả khi anh H không trả nợ.

Từ phân tích trên, xét thấy ông T không có chứng cứ chứng minh ông B bảo lãnh nợ cho anh H. Do đó, ông T yêu cầu ông B và anh H cùng liên đới nghĩa vụ trả số nợ vật tư nông nghiệp là 132.030.000 đồng là không có cơ sở. Anh H thừa nhận nợ và đồng ý trả, do đó chỉ buộc anh H trả cho ông T là có cơ sở.

Tại Điều 430, 440, 357, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định:

“Điều 430. Hợp đồng mua bán tài sản

Hợp đồng mua bán tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên bán chuyển quyền sở hữu tài sản cho bên mua và bên mua trả tiền cho bên bán.

Hợp đồng mua bán nhà ở, mua bán nhà để sử dụng vào mục đích khác được thực hiện theo quy định của Bộ luật này, Luật nhà ở và luật khác có liên quan.”

“Điều 440. Nghĩa vụ trả tiền

1. Bên mua có nghĩa vụ thanh toán tiền theo thời hạn, địa điểm và mức tiền được quy định trong hợp đồng.

2. Trường hợp các bên chỉ có thỏa thuận về thời hạn giao tài sản thì thời hạn thanh toán tiền cũng được xác định tương ứng với thời hạn giao tài sản. Nếu các bên không có thỏa thuận về thời hạn giao tài sản và thời hạn thanh toán tiền thì bên mua phải thanh toán tiền tại thời điểm nhận tài sản.

3. Trường hợp bên mua không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền thì phải trả lãi trên số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật này.”

“Điều 357. Trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền

1. Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật này; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này.”

“Điều 468. Lãi suất

1. Lãi suất vay do các bên thỏa thuận.

Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác. Căn cứ tình hình thực tế và theo đề xuất của Chính phủ, Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định điều chỉnh mức lãi suất nói trên và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất.

Trường hợp lãi suất theo thỏa thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản này thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực.

2. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ.”

Từ nhận định và điều luật viện dẫn trên trên, xét thấy yêu cầu của ông T về việc yêu cầu ông B và anh H liên đới nghĩa vụ trả số tiền nợ 132.030.000 đồng là không có căn cứ mà nên buộc anh H trả cho ông T là phù hợp.

[3] Về án phí: Anh H bị buộc nghĩa vụ trả nợ nên phải nộp án phí sơ thẩm dân sự theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 357, Điều 430, Điều 440, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của ông Trần Văn T.

2. Buộc anh Hồ Văn H có nghĩa vụ trả cho ông Trần Văn T số tiền còn nợ trong hợp đồng mua bán vật tư nông nghiệp là 132.030.000 đồng (Một trăm ba mươi hai triệu không trăm ba mươi nghìn đồng).

Khi có đơn yêu cầu thi hành án của ông T mà anh H chưa trả số tiền trên cho ông T thì anh H còn phải trả lãi cho ông T theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định cho đến khi thi hành xong.

3. Về án phí: Buộc anh Hồ Văn H phải nộp 6.601.500 đồng (Sáu triệu sáu trăm lẻ một nghìn năm trăm đồng) án phí sơ thẩm dân sự.

Ông Trần Văn T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.301.000 đồng (Ba triệu ba trăm lẻ một nghìn đồng) theo biên lai số 0003012 ngày 10/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện LV.

4. Án xử công khai có mặt các bên đương sự, các bên đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện LV;
- CCTHADS huyện LV;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Lê Thị Kiều Tiên